

Số: /KH- TTYT

Văn Quan, ngày 16 tháng 1 năm 2026

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan năm 2026

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2027/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ về Quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức hướng dẫn về nội dung, cách thức tổ chức, quy trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sỹ CK 1, Bác sỹ, Y sỹ, Điều dưỡng, Kỹ thuật viên, Nữ hộ sinh.

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành, đủ điều kiện để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với yêu cầu theo vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

2. Yêu cầu

- Người thực hành được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải đảm bảo hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và bảo đảm đủ thời gian thực hành và đầy đủ chuyên khoa theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

- Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan có trách nhiệm phân công người hướng

dẫn phải đảm bảo phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành (Người hướng dẫn thực hành đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP).

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng

Bác sĩ chuyên khoa I (*Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu, Y học cổ truyền, Gây mê hồi sức*); Bác sĩ y khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền; Bác sĩ Phục hồi chức năng, Bác sĩ Y học dự phòng, Y sĩ đa khoa (*Trung cấp, Cao đẳng*); Y sĩ y học cổ truyền (*Trung cấp, Cao đẳng*), Điều dưỡng (*Đại học, Cao đẳng, Trung cấp*); Hộ sinh (*Đại học, Cao đẳng, Trung cấp*); Kỹ thuật y (*Kỹ thuật y Xét nghiệm y học (Đại học, Cao đẳng, Trung cấp)*); Kỹ thuật Y phục hồi chức năng (*Cao đẳng, Trung cấp*); Kỹ thuật y Hình ảnh y học (*Cao đẳng, Trung cấp*).

2. Thời gian áp dụng

Sau khi nộp bản công bố và được công khai trên cổng thông tin Sở Y tế Lạng Sơn và Website của TTYT khu vực Văn Quan.

III. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ NỘI DUNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

1. Hình thức đào tạo thực hành

Hướng dẫn thực hành tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

2. Chương trình, nội dung đào tạo thực hành (*Có phụ lục 2 kèm theo*)

Nội dung hướng dẫn thực hành đối với chức danh bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu ngoại viện theo Thông tư số 32/2023/TT/BYT, ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

IV. NỘI DUNG THỰC HÀNH

1. Thời gian thực hành

1.1. Đối với người có văn bằng chuyên khoa: sau khi được cấp văn bằng nhưng không nộp hồ sơ đề nghị tham gia kiểm tra đánh giá năng lực và không nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp thì phải thực hành lại về chuyên khoa đó 12 tháng.

1.2. Đối với người có văn bằng Bác sĩ Y khoa: Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Khoa Nội – Nhi – Truyền nhiễm – Cấp cứu – Hồi sức tích cực 07 tháng (Trong đó: Nội khoa 01 tháng, Nhi khoa 02 tháng, Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo 03 tháng; Truyền nhiễm 01 tháng)

- Khoa Ngoại - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng: 2,5 tháng (Trong đó: Ngoại khoa: 1,5 tháng; Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng: 01 tháng)

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản: 1,5 tháng

- Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh: 01 tháng.

1.3. Đối với người có văn bằng Bác sỹ Y học cổ truyền, Bác sỹ Phục hồi chức năng.

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng 09 tháng.

- Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo 03 tháng (Hồi sức cấp cứu).

1.4. Đối với người có văn bằng Bác sỹ Y học dự phòng: Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Khoa Nội – Nhi – Truyền nhiễm: 07 tháng Trong đó: Nội khoa 01 tháng, Nhi khoa 02 tháng, Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo 03 tháng; Truyền nhiễm 01 tháng)

- Khoa Ngoại - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng: 2,5 tháng (Trong đó: Ngoại khoa: 1,5 tháng; Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng: 01 tháng)

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản: 1,5 tháng

- Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh: 01 tháng.

- Khoa Nội – Nhi – Truyền nhiễm, Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo: 06 tháng (Trong đó Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo 03 tháng; Nội khoa: 01 tháng; Nhi khoa 01 tháng; Truyền nhiễm: 01 tháng)

- Khoa Ngoại - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng: 02 tháng (Trong đó: Ngoại khoa: 01 tháng; Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng: 01 tháng)

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản: 01 tháng

1.6. Đối với người có văn bằng Y sĩ Y học cổ truyền: Tổng thời gian thực hành khám chữa bệnh là 9 tháng trong đó:

- Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng: 06 tháng.

- Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc- Thận nhân tạo: 03 tháng.

1.7. Đối với người có văn bằng Điều dưỡng: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là: 6 tháng trong đó:

- Khoa Nội– Nhi –Truyền nhiễm, Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo: 04 tháng (Trong đó Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc- Thận nhân tạo:01 tháng; Nội khoa: 01 tháng; Nhi khoa: 01 tháng; Truyền nhiễm: 01 tháng)

- Khoa Ngoại - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng: 01 tháng

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản: 01 tháng

1.8. Đối với người có văn bằng Hộ sinh: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là: 6 tháng trong đó:

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản: 05 tháng

- Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc- Thận nhân tạo: 01 tháng.

1.10. Đối với người có văn bằng Kỹ thuật y:

- **Kỹ thuật y hình ảnh y học**

- Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo: 01 tháng.

+ Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh: 05 tháng.

- **Kỹ thuật y xét nghiệm y học**

- Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo: 01 tháng.

+ Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh: 5 tháng.

- **Kỹ thuật y Phục hồi chức năng:**

+ Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng: 05 tháng.

- Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực và Chống độc- Thận nhân tạo: 01 tháng.

- Trong quá trình thực hành kỹ thuật chuyên môn, người thực hành được tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 buổi (mỗi buổi 4 tiết). Thời gian tập huấn này được tính vào tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

Lưu ý: Trong quá trình thực hành vì lý do sức khỏe hoặc trường hợp bất khả kháng, người thực hành được tạm dừng thực hành trong thời gian tối đa không quá 12 tháng và được bảo lưu các kết quả thực hành trước đó. Việc bảo lưu kết quả thực hiện theo Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

2. Số lượng người hướng dẫn và số lượng người thực hành có thể tiếp nhận

Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan dự kiến tiếp nhận thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện cụ thể như sau: TTYT khu vực có thể tiếp nhận được: 155 học viên

TT	Chức danh người hành nghề	Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận	Ghi chú
1	Bác sỹ chuyên khoa cấp I	10 học viên	
2	Bác sỹ, y sỹ	40 học viên	
3	Bác sỹ YHCT, Bác sỹ PHCN, Y sỹ	10 học viên	

4	Điều dưỡng	30 học viên	
5	Hộ sinh	30 học viên	
6	Kỹ thuật y hình ảnh	05 học viên	
7	Kỹ thuật y xét nghiệm	20 học viên	
8	Kỹ thuật y PHCN	10 học viên	

- Số lượng người hướng dẫn tại: *(Có phụ lục I kèm theo)*

3. Địa điểm thực hành: tại các khoa/ phòng trực thuộc Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan tham gia đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kế hoạch nghiệp vụ và Điều dưỡng.

- Xây dựng kế hoạch thực hành và công bố cơ sở là cơ sở đủ điều kiện hướng dẫn thực hành và đăng tải trên cổng thông tin của TTYT khu vực, Sở Y tế theo quy định. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký thực hành hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hành.

- Tham mưu ký Hợp đồng thực hành và Quyết định phân công người hướng dẫn thực hành.

- Quản lý hồ sơ theo quy định.

- Tổng hợp danh sách học viên và người tham gia hướng dẫn thực hành. Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I Nghị định số 96/2023/NĐ- CP về Sở Y tế, trong đó phải nêu rõ thời gian bắt đầu thực hành và dự kiến thời gian kết thúc thực hành.

- Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh và danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên cổng thông tin của Sở Y tế, Trung tâm Y tế. Trình Giám đốc cấp giấy xác nhận cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I Nghị định số 96/2023/NĐ- CP.

2. Phòng Tài chính- kế toán.

Tham mưu thực hiện thu kinh phí đào tạo học viên. Việc hạch toán, thu chi, quyết toán phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

3. Các khoa, phòng chuyên môn

- Tuân thủ sự phân công về hướng dẫn thực hành của Giám đốc Trung tâm Y tế.

- Tiếp nhận, quản lý, hướng dẫn thực hành cho học viên theo quy định.

- Nhận xét kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

4. Người hướng dẫn thực hành

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn của người đứng đầu cơ sở thực hành.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.

- Người trực tiếp hướng dẫn thực hành đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành theo từng nội quy quy định. Đánh giá nhận xét phải được thực hiện ngay sau khi người thực hành hoàn thiện từng nội dung thực hành.

5. Người thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế chuyên môn của cơ sở hướng dẫn thực hành và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Người thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khác khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

Trên đây là Kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan năm 2026. Đề nghị các bộ phận liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- LĐ TTYT;
- Các khoa, phòng;
- TYT các xã;
- Lưu: VT, KHN&ĐD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Huy Phước

DANH SÁCH**Người hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-TTYT ngày /1/2026 của TTYT khu vực Văn Quan)*

STT	Khoa/phòng	Họ tên	chức danh	chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp_CCHN	Nơi cấp_CCHN
1	Khoa Nội- Nhi- Truyền Nhiễm- Cấp cứu- HSTC	Hà Quốc Lộc	BsCKI	003034/LS-CCHN	06/08/2015	SYT Lạng Sơn
2		Nguyễn Văn Hậu	BsCKI	001677/LS-CCHN	29/08/2017	SYT Lạng Sơn
3		Hoàng Thị Hiền	BSĐK	002242/LS-CCHN	07/06/2018	SYT Lạng Sơn
4		Nguyễn Thị Xuyên	BSĐK	003036/LS-CCHN	08/09/2023	SYT Lạng Sơn
5		Đặng Thị Loan	BsCKI	002237/LS-CCHN	07/05/2019	SYT Lạng Sơn
6		Hà Nhật Anh	BsCKI	000467/LS-CCHN	24/08/2016	SYT Lạng Sơn
7		Triệu Thị Ninh	BSĐK	001488/LSC-CHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
8		Phùng Thị Khế	CNĐD	003042/LS-CCHN	06/08/2015	SYT Lạng Sơn
9		Linh Thị Xuân	CNĐD	001479/LS-CCHN	21/09/2012	SYT Lạng Sơn
10		Hoàng Thị Thu Thảo	CNĐD	001474/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
11		Hà Văn Thanh	CĐĐD	004518/LS-CCHN	22/04/2022	SYT Lạng Sơn
12		Nông Mạnh Trung	CĐĐD	003255/LS-CCHN	09/05/2018	SYT Lạng Sơn
13		Hoàng Trung Vĩnh	CĐĐD	003601/LS-CCHN	21/10/2019	SYT Lạng Sơn
14		Linh Đức Luân	CĐĐD	001621/LS-CCHN	29/08/2017	SYT Lạng Sơn
15		Hoàng Thị Minh Tuyết	CNĐD	001470/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
16		Nông Thị Bột	CNĐD	001477/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
17		Hoàng Thị Quỳnh	CNĐD	002086/LS-CCHN	29/08/2017	SYT Lạng Sơn
18		Lương Thị Mai	CNĐD	001691/LS-CCHN	29/08/2017	SYT Lạng Sơn
1	Khoa Ngoại- RHM - Mắt- TMH	Lương Đình Huy	BsCKI	001658/LS-CCHN	28/06/2012	SYT Lạng Sơn
2		Hà Huy Phước	BsCKI	001451/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
3		Triệu Đông Hưng	BsCKI	003035/LS-CCHN	06/08/2015	SYT Lạng Sơn
4		Triệu Quốc Diệp	CĐĐD	001704/LS-CCHN	29/08/2017	SYT Lạng Sơn
5		Vi Thị Huyền	CNĐD	001453/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
6		Triệu Thị Dung	CNĐD	001464/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
7		Trần Văn Đô	CNĐD	001465/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
8		Chu Thị Hồng Cai	CĐĐD	002244/LS-CCHN	04/04/2014	SYT Lạng Sơn
9		Hoàng Thị Duyên	CĐĐD	005504/LS-CCHN	06/12/2022	SYT Lạng Sơn
1	Khoa CSSKSS& Phụ sản	Hà Minh Dũng	BsCKI	000466/LS-CCHN	24/08/2016	SYT Lạng Sơn
2		Vy Hải Yến	BsCKI	003766/LS-CCHN	20200626	SYT Lạng Sơn

3		Triệu Thị Huyền	BSDK	003178/LS-CCHN	26/09/2023	SYT Lạng Sơn
4		Nông Thị Chuyên	CNHS	001461/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
5		Hoàng Thị Quý	CNHS	003039/LS-CCHN	06/08/2015	SYT Lạng Sơn
6		Triệu Thị Lan	CĐHS	003179/LS-CCHN	04/02/2016	SYT Lạng Sơn
7		Lý Thị Huyền	CNHS	001494/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
8		Sâm Thị Bích Liễu	CNHS	001458/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
9		Phạm Thị Xuân	CĐHS	001459/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
1	Khoa Khám Bệnh	Lê Hoài Trang	BSDK	004214/LS-CCHN	12/05/2021	SYT Lạng Sơn
2		Mạc Văn Đài	BSDK	001503/LS-CCHN	09/05/2018	SYT Lạng Sơn
3		Hoàng Văn Dương	BSDK	002190/LS-CCHN	09/05/2018	SYT Lạng Sơn
4		Hoàng Thị Liên	BSDK	002259/LS-CCHN	09/05/2018	SYT Lạng Sơn
5		Vi Thị Dung	CNĐD	003041/LS-CCHN	06/08/2015	SYT Lạng Sơn
6		Lành Tuấn Linh	CNĐD	000470/LS-CCHN	24/08/2016	SYT Lạng Sơn
7		Lê Thị Thanh	CNĐD	001473/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
8		Triệu Thị Duyên	CNĐD	003444/LS-CCHN	19/04/2019	SYT Lạng Sơn
9		Hứa Hưng Hiệp	CNĐD	002284/LS-CCHN	04/04/2014	SYT Lạng Sơn
10		Hoàng Thị Vân	CNĐD	005503/LS-CCHN	06/12/2022	SYT Lạng Sơn
11		Liều Thị Duyên	CNĐD	002270/LS-CCHN	04/04/2014	SYT Lạng Sơn
12		Trần Thị Thoa	CNĐD	001468/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
13		Nguyễn Thị Thu Trang	CĐHS	003038/LS-CCHN	06/08/2015	SYT Lạng Sơn
14		Nông Kiều Giang	CĐHS	001497/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
15		Hứa Thị Thu	CĐHS	001463/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
1	Khoa YHCT-PHCN	Lý Thị Kim Huệ	BsCKI	001481/LS-CCHN	07/06/2018	SYT Lạng Sơn
2		Sâm Đức Phú	YS.YHCT	002020/LS-CCHN	29/08/2017	SYT Lạng Sơn
3		Hoàng Thị Nga	YS.YHCT	001482/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
4		Hoàng Hùng Mạnh	YS.YHCT	002238/LS-CCHN	26/09/2023	SYT Lạng Sơn
5		Đông Sỹ Cử	YS.YHCT	002198/LS-CCHN	04/04/2014	SYT Lạng Sơn
6		Hoàng Thanh Bình	CĐ.VLTL-PHCN	001480/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
1	Khoa XN-CĐHA	Hoàng Thị Kính	BSDK	001457/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn
2		Đinh Văn Khan	BSDK	001492/LS-CCHN	09/05/2018	SYT Lạng Sơn
3		Lương Minh Học	CĐ.CĐHA	003040/LS-CCHN	06/08/2015	SYT Lạng Sơn
4		Hứa Khánh Hòa	CĐXN	002247/LS-CCHN	04/04/2014	SYT Lạng Sơn
5		Đông Văn Hoàng	CĐXN	003447/LS-CCHN	19/04/2019	SYT Lạng Sơn
6		Lăng Thị Mên	CĐXN	004148/LS-CCHN	24/03/2021	SYT Lạng Sơn
7		Hoàng Thị Lệ Giang	CĐXN	000584/LS-CCHN	02/12/2016	SYT Lạng Sơn
8		Vy Văn Thịnh	CĐĐD	001478/LS-CCHN	16/09/2013	SYT Lạng Sơn

NỘI DUNG THỰC HÀNH
Tại Trung tâm Y tế khu vực Văn Quan)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH- TTYT ngày /01/2026 của TTYT khu vực Văn Quan)

STT	Chức danh	Khoa cấp xác nhận thực hành	Chuyên khoa thực hành	Thời gian thực hành
1	Bác sỹ CKI Hồi sức cấp cứu	Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Hồi sức cấp cứu	12 tháng
2	Bác sỹ CKI Y học cổ truyền	Khoa YHCT-PHCN	Y học cổ truyền, PHCN	12 tháng
3	Bác sỹ CKI Nội khoa	Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Nội khoa	12 tháng
		Tổng thời gian thực hành		
4	Bác sỹ CKI Nhi khoa	Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Nhi khoa	12 tháng
		Tổng thời gian thực hành		
5	Bác sỹ CKI Ngoại khoa	Khoa Ngoại - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	Ngoại khoa	12 tháng
		Tổng thời gian thực hành		
6	Bác sỹ CKI Sản phụ khoa	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Sản khoa	12 tháng
		Tổng thời gian thực hành		
7	Bác sỹ y khoa	Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Nội khoa	01 tháng
			Nhi khoa	02 tháng
			Hồi sức cấp cứu	03 tháng
			Truyền nhiễm	01 tháng

		Khoa Ngoại - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	Ngoại khoa	1,5 tháng
			Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	01 tháng
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Sản phụ khoa	1,5 tháng
		Khoa Xét nghiệm - CDHA	XN - CDHA	01 tháng
		Tổng thời gian thực hành		
8	Bác sĩ y học dự phòng	Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Nội khoa	01 tháng
			Nhi khoa	02 tháng
			Hồi sức cấp cứu	03 tháng
			Truyền nhiễm	01 tháng
		Khoa Ngoại - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	Ngoại khoa	1,5 tháng
			Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	01 tháng
			Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Sản phụ khoa
		Khoa Xét nghiệm - CDHA	XN - CDHA	01 tháng
		Tổng thời gian thực hành		
9	Bác sĩ Y học cổ truyền	Khoa YHCT & PHCN	YHCT	09 tháng
		Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Hồi sức cấp cứu	03 tháng
		Tổng thời gian thực hành		

10	Y sĩ đa khoa	Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Nội khoa	01 tháng
			Hồi sức cấp cứu	03 tháng
			Nhi khoa	01 tháng
			Truyền nhiễm	01 tháng
		Khoa Ngoại - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	Ngoại khoa	01 tháng
			Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	01 tháng
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Sản phụ khoa	01 tháng
Tổng thời gian thực hành			09 tháng	
11	Y sĩ y học cổ truyền	Khoa YHCT & PHCN	YHCT	06 tháng
		Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Hồi sức cấp cứu	03 tháng
		Tổng thời gian thực hành		
12	Điều dưỡng	Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Hồi sức cấp cứu	01 tháng
			Nội khoa	01 tháng
			Nhi khoa	01 tháng
			Truyền nhiễm	01 tháng
		Khoa Ngoại - Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	Ngoại khoa	01 tháng
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Sản phụ khoa	01 tháng
		Tổng thời gian thực hành		

13	Hộ sinh	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	Sản phụ khoa	05 tháng
		Khoa Nội- Nhi – Truyền nhiễm, khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Hồi sức cấp cứu	01 tháng
		Tổng thời gian thực hành		06 tháng
14	Kỹ thuật y hình ảnh y học	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Hồi sức cấp cứu	01 tháng
		Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	CDHA	05 tháng
		Tổng thời gian thực hành		06 tháng
15	Kỹ thuật y xét nghiệm y học	Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Hồi sức cấp cứu	01 tháng
		Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Xét nghiệm	05 tháng
		Tổng thời gian thực hành		06 tháng
16	Kỹ thuật y phục hồi chức năng	Khoa YHCT & PHCN	PHCN	05 tháng
		Khoa Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo	Hồi sức cấp cứu	01 tháng
		Tổng thời gian thực hành		06 tháng